

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư các hộ dân bản Mìn và bản Luốc Lầu, xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 302/QĐ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét Văn bản số 11040/STNMT-BVMT ngày 27/11/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án sắp xếp, ổn định dân cư các hộ dân bản Mìn và bản Luốc Lầu, xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1739/Tr-STNMT ngày 20/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Sắp xếp, ổn định dân cư các hộ dân bản Mìn và bản Luốc Lầu, xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý

dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Sắp xếp, ổn định dân cư các hộ dân bản Mìn và bản Luốc Lầu, xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn thực hiện tại xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Mường Mìn (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư các hộ dân bản Mìn và bản Luốc Lầu,
xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn của Ban Quản lý dự án đầu tư
xây dựng huyện Quan Sơn

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Sắp xếp, ổn định dân cư các hộ dân bản Mìn và bản Luốc Lầu, xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn.
- Địa điểm thực hiện: xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn.
- + Đại diện: (Ông) Nguyễn Văn Minh Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ liên hệ: Thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

a. *Phạm vi dự án:* Khu đất lập dự án đầu tư có diện tích 52.429m², thuộc địa giới hành chính xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp đất trồng cây lâu năm và đất nông nghiệp.
- Phía Nam giáp đất trồng cây lâu năm và đất nông nghiệp và đất ao.
- Phía Đông giáp đất trồng cây lâu năm và đất nông nghiệp.
- Phía Tây giáp đất trồng cây lâu năm và đất nông nghiệp.

b. *Quy mô, công suất dự án:*

Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật dự án Sắp xếp, ổn định dân cư các hộ dân bản Mìn và bản Luốc Lầu, xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn với tổng diện tích 52.429m²; bao gồm các hạng mục: San nền, giao thông, cấp nước, thoát nước và hệ thống cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng hoàn chỉnh.

Quy mô sử dụng đất của dự án là 52.429m², trong đó:

- + Đất ở tái định cư: 19.415,5m² xây dựng 81 lô tái định cư quy mô từ 3-5 tầng.
- + Đất nhà văn hóa: 1.350,0m², quy mô 01 tầng.
- + Đất hạ tầng kỹ thuật: 695,4 m².
- + Đất cây xanh: 1.321,15 m².
- + Đất dịch vụ thương mại: 3.059,1 m²
- + Đất giao thông, ta luy: 26.587,85m².
- Quy mô dân số: Khoảng 350 người sống tại 81 lô tái định cư.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a. *Giải phóng mặt bằng:*

Tổng diện tích giải phóng mặt bằng dự án là 52.429m².

b. Thiết kế san nền:

San nền bổ sung các vị trí trũng, thấp để đảm bảo cao độ khớp nối phù hợp với các tuyến giao thông theo quy hoạch; cao độ thiết kế san nền tại các lô đất không chế là + 262,00m.

c. Giao thông:

Toàn bộ phần đầu tư trong giai đoạn này gồm các tuyến đường có tổng chiều dài $L = 2.371,6\text{m}$;

+ Mặt cắt 1-1 có mặt cắt ngang lộ giới 11,0m bao gồm: mặt đường 5,0m; vỉa hè 2x3m.

+ Mặt cắt 2-2 có mặt cắt ngang lộ giới 7,0m bao gồm: mặt đường 3,0m; vỉa hè 2x2m.

d. Hệ thống cấp nước:

- Xây dựng mạng lưới cấp nước hoàn chỉnh cho khu vực lập quy hoạch. Xây dựng trạm cấp nước sạch, nguồn nước lấy từ khe suối, đặt đường ống D63 chờ cấp nước cho dự án tại phía Tây Nam ranh giới lập quy hoạch.

- Bể lắng đặt tại vị trí đầu nguồn để thu và lắng cặn rồi theo đường ống D63 dẫn về bể chứa trước khi cấp đến từng hộ dân: Bể lắng bằng BTCT M250, đá 1x2, có kích thước BxLxH phù hợp được chia làm 2 ngăn (ngăn nước vào và ngăn nước ra); đáy và thành bể dày 20cm; sàn bể BTCT M250, đá 1x2, dày 15cm. Trên sàn bể để lỗ lên xuống có tấm đan đáy bằng BTCT M250, đá 1x2; kích thước 100x100x10cm.

- Bể lắng bố trí hệ thống van xả cặn, xả tràn và cắt nguồn.

- Bể chứa nước bố trí phía Tây sát bên mặt bằng tại vị trí phù hợp để tạo áp lực đủ để cấp đến từng hộ dân.

- Bể chứa nước tiêu thụ bằng BTCT M250, đá 1x2, có kích thước BxLxH phù hợp đáy và thành bể dày 20cm; sàn bể dày 10cm; phía trên để lỗ lên xuống có tấm đan đúc sẵn BTCT M250, đá 1x2, kích thước BxLxH = 0,8x0,8x0,1m.

- Xung quanh bể bố trí vòi rửa, vòi chờ, ống xả cặn, xả tràn và các van khóa nước.

- Móng phía dưới xây đá hộc vữa xi măng M75 chạy xung quanh bể.

- Sân cạnh bể có diện tích 7,2m², nền sân BT M200, dày 15cm đá 1x2.

e. Hạ tầng thoát nước:

- Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải sinh hoạt được thiết kế riêng biệt, đường ống thoát nước thải được đi lồng trong rãnh thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua các công trình xử lý do các hộ dân tự xây dựng bao gồm bể tự hoại 3 ngăn và bể tách dầu mỡ sau đó dẫn về trạm XLNT hợp khối bằng vật liệu Composite với công suất 60 m³/ngày.đêm đặt tại vị trí khu hạ tầng kỹ thuật phía Tây Bắc dự án để tiếp tục xử lý đạt QCCP theo QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B) sau đó thu gom vào hệ thống thoát nước mưa, có hệ thống hố ga thu thăm trên tuyến bố trí dọc vỉa hè của các tuyến đường xung quanh các khu công trình thuộc dự án, trung bình cứ 30m bố

trí 01 hố ga thăm thoát ra tuyến mương nội đồng khu vực phía Bắc dự án rồi đi vào suối Yên nằm phía Bắc dự án, cách dự án 250m.

- Hệ thống rãnh thoát nước thu gom nước sau đó thoát vào mương hoàn trả mương tấm lát B=1.0m.

- Rãnh thoát nước mưa B=50cm

- Hệ thống rãnh thoát nước B=50cm được bố trí trên vỉa hè ngay sát mép bó vỉa hè đường khoảng cách 30-35m bố trí hố ga thu nước mặt đường. Đoạn rãnh qua đường được thiết kế rãnh chịu lực B=50cm kết cấu bê tông M200.

- Hố ga thu nước mặt đường: Móng BT mác 150 đá 2x4 dày 15cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Thân ga xây gạch không nung VXM M75 thành dày 22cm trát vữa lòng trong M75 dày 2cm, tường mũ BT M200 đá 1x2 dày 22cm, tấm đan rãnh BTCT M250 đá 1x2 dày 10cm 02 tấm/hố.

g. Hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

Phần đường dây 0,4kV cấp điện cho sinh hoạt.

- * Xây dựng tuyến đường dây trên không 0,4kV đầu nối cấp điện từ tủ hạ thế sau TBA 250KVA mới cấp điện cho khu dân cư mới quy hoạch. Sử dụng cột bê tông ly tâm loại 8,5m trong khu dân cư. Dây dẫn sử dụng loại cáp vặn xoắn ABC-4x70mm² và cáp vặn xoắn ABC-4x50mm² cho các vị trí còn lại.

- + Móng cột: Móng bê tông đá 2x4 mác M200 đúc tại chỗ, lót móng bằng bê tông đá 4x6 mác M150, chèn móng bằng bê tông đá 1x2 mác M200. Kết cấu bằng móng cột đôi MT-2T (cột đôi) và móng cột đơn MT-1T (cột đơn).

- + Tiếp địa lặp lại: Được bố trí tại cột cuối tuyến đường dây 0,4kV tại vị trí C.6 kiểu cọc tia hỗn hợp ký hiệu RC-4 gồm 4 cọc thép L63x63x6 (Dài 1,5m). Các cọc được hàn nối với nhau bằng thép dẹt 40x4 (mỗi cọc cách nhau 3m). Đầu cọc tiếp địa và dây nối được chôn sâu 0,8m so với mặt đất.

- * Hệ thống công tơ:

- Lắp mới các hộp đựng công tơ loại h4 lắp 4 công tơ 1 pha và loại H6 lắp 6 công tơ 1 pha, lắp trên cột bê tông ly tâm cách mặt hoàn thiện từ 1,2m đến 1,5m.

- Dây cấp nguồn điện từ đường dây 0,4kV đến các hộp công tơ sử dụng loại Cu/XLPE/PVC-2x16mm²;

- Các đoạn dây dẫn sau các công tơ đến các hộ dân, được sử dụng dây cu/XLPE/PVC-2x4mm² (trung bình 30m/hộ). An toàn cho hệ thống điện: Bảo vệ chống ngắn mạch và quá tải: Cáp trực cấp nguồn cho hệ thống điện chiếu sáng được bảo vệ chống ngắn mạch và quá tải bằng Aptomat đặt trong tủ điều khiển. Dây dẫn lên đèn được bảo vệ bằng Aptomat đặt tại bảng điện cửa cột.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích 6.066,5m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Các công trình và hoạt động giai đoạn thi công:

- Giải phóng mặt bằng khu vực dự án.

- Thi công san nền khu vực dự án.
- Thi công hệ thống giao thông khu vực dự án.
- Thi công hệ thống thoát nước khu vực dự án.
- Thi công hệ thống cấp nước khu vực dự án.
- Thi công cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng.

2.2. Các công trình và hoạt động giai đoạn vận hành:

- Thi công các công trình nhà ở.
- Sinh hoạt của người dân khu vực dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Nước thải, khí thải:

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 4,6 m³/ngày, trong đó: Nước thải từ tắm, giặt, vệ sinh tay chân 2,3 m³/ngày; Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) 2,3 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải từ quá trình rửa xe khoảng 4,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công 231,53 lit/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lốp xe. Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂.

- Bụi và khí thải từ hoạt động thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: bụi từ đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO, bụi từ hoạt động vệ sinh móng đường cấp phối đá dăm trước khi láng nhựa, khí thải từ hoạt động tưới nhựa dính bảm và từ lớp mặt đường bê tông nhựa trong quá trình thi công. Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 32 kg/ngày, chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bia catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải từ quang thám phủ thực vật: 25,45 tấn; Đất đào bóc phong hóa và đất dư thừa: 70.062,06m³; Bao bì xi măng: 2.458,44 kg; Vật liệu rời như cát, đá dăm,...: 44,89 tấn; Chất thải rắn gồm: Mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại: 10,30 tấn.

b. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa...khối lượng khoảng 4,0 kg/tháng.
- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy khoảng 146lít/quá trình thi công.

3.1.3. Một số tác động môi trường khác

a. Tác động do, tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

b. Các rủi ro, sự cố môi trường:

- Rủi ro, sự cố tai nạn lao động;
- Rủi ro, sự cố cháy nổ;
- Rủi ro, sự cố cố ngộ độc thực phẩm;
- Rủi ro, sự cố do dịch bệnh.

3.2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành:

3.2.1. Nước thải, khí thải:

a. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Lưu lượng nước mưa chảy tràn khoảng 457,2 lit/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,..

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt là 52,26m³/ngày. Trong đó, nước thải tại khu nhà ở tái định cư là 42,0m³/ngày (Nước thải vệ sinh: 10,50m³/ngày; nước thải nhà bếp: 18,90m³/ngày; nước thải tắm giặt: 12,60m³/ngày); nước thải tại khu nhà văn hoá là 1,08m³/ngày (Nước thải vệ sinh: 0,54m³/ngày; nước thải tắm giặt: 0,54m³/ngày) và nước thải tại khu dịch vụ thương mại là 9,18m³/ngày (Nước thải vệ sinh: 2,30m³/ngày; nước thải nhà bếp: 4,13m³/ngày; nước thải tắm giặt: 2,75m³/ngày). Thành phần chủ yếu bao gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform, dầu mỡ...

b. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi và khí thải trong giai đoạn vận hành của dự án chủ yếu phát sinh từ: Hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình; mùi hôi từ công trình xử lý nước thải và chất thải rắn; hoạt động xây dựng của các hộ gia đình. Phạm vi tác động chủ yếu trong khuôn viên dự án. Thành phần khí thải chủ yếu: NO₂, SO₂, CO,...

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

Chất thải phát sinh từ sinh hoạt của các hộ dân khoảng 312,4 kg/ngày (trong đó tại khu tái định cư là 280kg/ngày; khu vực nhà văn hoá là 2,4 kg/ngày; khu dịch vụ-thương mại là 30 kg/ngày). Chất thải rắn dễ phân huỷ

gồm: thức ăn thừa, lá cây,...; Chất thải rắn tái chế: nhựa, nilon, vỏ đồ hộp, giấy...; Chất thải rắn khó phân huỷ: Thủy tinh, sành sứ,...

b. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt khoảng 3,12 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn xây dựng:

4.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Không được tập trung các loại vật liệu gần các mương thoát nước. Trong quá trình thi công tại dự án, chủ đầu tư kết hợp nhà thầu thi công thường xuyên kiểm tra loại bỏ các chướng ngại vật phát sinh chặn ngang đường thoát nước mưa tại dự án. Ngoài ra, phải che chắn khu vực thi công, phân luồng nước mưa chảy tràn làm giảm sức mạnh của dòng chảy trực tiếp qua khu vực dự án gây phá vỡ kết cấu đất gây sạt lở.

- Đối với khu vực thi công xây dựng ngoài việc thi công san nền tạo độ dốc thiết kế, đào thêm các mương thông thủy có kích thước 0,3 x 0,4m, trên các đường thoát nước cứ khoảng 50 m bố trí một hố thu có kích thước 0,7m x 0,7m x 0,5m làm nhiệm vụ lắng sơ bộ các chất rắn lơ lửng trong nước mưa trước khi chảy vào môi trường tiếp nhận.

b. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải tắm, giặt, vệ sinh tay chân có lưu lượng 2,3 m³/ngày thu gom cùng với nước thải rửa xe về bể lắng kích thước: 2,0m x 1,5m x 1,0 m, lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật (HDPE) để chống thấm, trước khi thoát vào tuyến mương nội đồng khu vực phía Bắc dự án rồi đi vào suối Yên nằm phía Bắc dự án, cách dự án 250m.

- Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) lưu lượng 2,3 m³/ngày, xử lý bằng 05 nhà vệ sinh di động, kích thước nhà vệ sinh (Bể chứa chất thải: 500 lít; Bể chứa nước dự trữ: 400 lít). Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 01 ngày/lần) đem đi xử lý.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải rửa xe:

Lưu lượng lớn nhất 4,0 m³/ngày thu gom cùng nước thải tắm, giặt, vệ sinh tay chân về 1 bể lắng dung tích 3,0m³ (kích thước 2,0m x 1,5m x 1,0 m) để loại bỏ chất rắn lơ lửng và dầu mỡ. Thu gom văng dầu mỡ, lưu giữ và xử lý cùng với chất thải nguy hại. Nước thải sau khi lắng được tuần hoàn sử dụng lại phục vụ quá trình rửa xe, máy móc hoặc làm nước tưới đường đập bụi; phần còn lại theo hệ thống mương thoát nước tạm ra tuyến mương nội đồng khu vực phía Bắc dự án sau đó chảy vào suối Yên nằm phía Bắc dự án, cách dự án 250m.

4.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phun nước tạo độ ẩm tần suất ít nhất 04lần/ngày sao cho bề mặt cần làm

ẩm được tưới đều không tạo ra lầy hóa nhằm giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công và tuyến đường liên xã hiện trạng phía Tây dự án, nơi gần khu dân cư hiện trạng của bản Min. Nước dùng để làm ẩm chủ yếu lấy từ suối Yên cách dự án khoảng 250m, một phần là nước tuần hoàn tái sử dụng từ quá trình rửa xe.

- Các phương tiện vận chuyển phải được phủ bạt, không được làm rơi vãi vật liệu trên đường.

- Lắp dựng rào tôn xung quanh khu vực thi công dự án để ngăn cách giữa khu vực thi công dự án và các khu vực xung quanh, chiều dài rào tôn là 1.082,5m, chiều cao rào tôn là 2,5m.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt:

Trang bị 3 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích 50 lít tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom rác thải sinh hoạt, hợp đồng với tổ thu gom rác thải sinh hoạt địa phương vận chuyển xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng:

- Đối với chất thải rắn từ sinh khối thực vật phát quang (cây hoa màu, cỏ bụi...) có khối lượng khoảng 25,45 tấn: Người dân xung quanh dự án tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, phần còn lại thuê tổ thu gom rác thải sinh hoạt địa phương vận chuyển xử lý.

- Vật liệu rời như cát, đá dăm,...có khối lượng khoảng: 44,89 tấn trong toàn bộ thời gian thi công; được thu gom sau mỗi ca làm việc, tận dụng làm vật liệu san nền tại khu vực dự án.

- Đối với chất thải rắn gồm: mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại có khối lượng khoảng 10,30 tấn trong giai đoạn triển khai xây dựng...được thu gom với tần suất 01 lần/ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Đối với bao bì xi măng có khối lượng khoảng 2.458,44 kg trong giai đoạn triển khai xây dựng...được thu gom với tần suất 01 lần/ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Đối với đất đào bóc phong hóa và đất dư thừa có tổng khối lượng 70.062,06m³, thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi đổ thải tại khu vực bãi thải đúng theo quy định. Vị trí đổ thải tại các khu vực đất trống hoang hóa (gồm 8 bãi đổ thải, có sơ đồ kèm theo tại phần phụ lục báo cáo) thuộc xã Mường Min và xã Sơn Thủy, có tổng trữ lượng khoảng 80.234,4m³. Phạm vi vận chuyển đổ thải xa nhất là 7km (có biên bản kèm theo).

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại: Trang bị 2 thùng chứa dung tích 50 lít/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định, lưu trữ tạm tại khu vực riêng rộng 10m², theo mặt bằng khu lán trại.

- Chất thải lỏng nguy hại: Đơn vị thay dầu ở gara ô tô trên địa bàn huyện Quan Sơn kết hợp bảo dưỡng và kiểm tra xe, toàn bộ lượng dầu thải phát sinh, bán lại cho đơn vị thay dầu xe. Để đề phòng trường hợp có dầu thải phát sinh

do quá trình sửa chữa sự cố phát sinh trên công trường, chủ đầu tư trang bị 1 thùng chứa dung tích 50 lit/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định để chứa chất thải lỏng nguy hại, đặt tại khu vực lưu chứa cùng chất thải rắn nguy hại.

Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

4.2. Giai đoạn vận hành

Sau khi xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật cho Khu dân cư, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn bàn giao lại cho UBND xã Mường Mìn chịu trách nhiệm quản lý khu dân cư. Do đó trách nhiệm sau khi bàn giao công trình và đi vào vận hành thuộc về các hộ gia đình và UBND xã Mường Mìn. Các biện pháp giảm thiểu tác động cụ thể như sau:

4.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- *Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn:*

+ Thiết kế, xây dựng mương tấm lát B=1.0m tổng chiều dài là 2.034m thoát về hướng Tây sau đó thoát ra suối Yên phía Tây dự án.

+ Hệ thống rãnh thoát nước B=50cm được bố trí trên vỉa hè ngay sát mép bó vỉa hè đường khoảng cách 30-35m bố trí hố ga thu nước mặt đường.

- *Trách nhiệm của chính quyền địa phương:*

+ Yêu cầu các hộ dân khi thi công xây dựng nhà phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa phù hợp để đấu nối với hệ thống thoát nước mưa của khu dân cư.

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng nạo vét định kỳ các hố ga để loại bỏ rác, cặn lắng, bùn thải, vận chuyển xử lý đúng quy định.

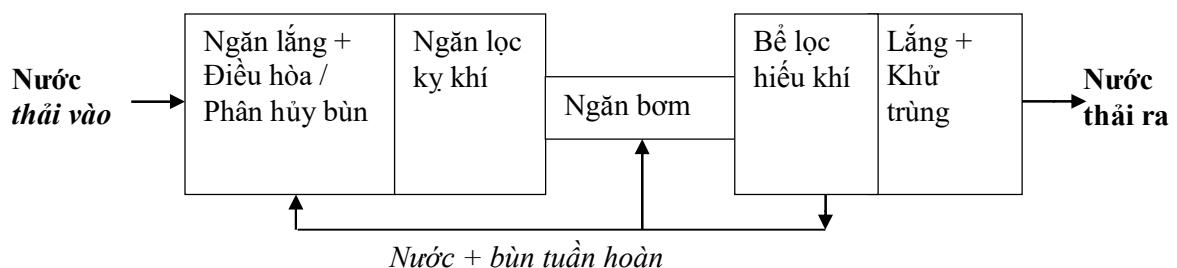
b. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- *Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn:*

+ Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom nước thải, đặt sẵn các vị trí chờ đấu nối tại mỗi hộ gia đình để sau này các hộ gia đình vào đầu tư sẽ đấu nối vào đường ống chờ này và thoát nước vào hệ thống thoát nước chung theo quy hoạch.

+ Đầu tư thiết bị xử lý nước thải tại chỗ bằng vật liệu Composite với công suất 60 m³/ngày đêm đặt tại khu vực HTKT phía Tây Nam dự án để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt từ các hộ dân sau khi xử lý sơ bộ. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B), đấu nối với mương thoát nước mưa B=50cm tại dự án trước khi thoát ra suối Yên phía Tây dự án.

Sơ đồ nguyên lý hoạt động của thiết bị xử lý nước thải tại chỗ bằng vật liệu Composite như sau:



- *Trách nhiệm của các hộ dân và nhà đầu tư thứ cấp:*

+ Khi xây dựng nhà cửa phải có biện pháp thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ công nhân, không làm ô nhiễm môi trường.

+ Yêu cầu các hộ dân và nhà đầu tư thứ cấp tự xây dựng tại mỗi công trình nhà ở tái định cư: bể tự hoại dung tích $2,0\text{m}^3$, kích thước dài x rộng x sâu = $2,0\text{m} \times 1,0\text{m} \times 1,0\text{m}$ và bể tách dầu mỡ dung tích $0,4\text{m}^3$, kích thước dài x rộng x sâu = $1,0\text{m} \times 0,8\text{m} \times 0,5\text{m}$; công trình nhà văn hóa (bể tự hoại dung tích 3m^3 , kích thước dài x rộng x sâu = $3,0\text{m} \times 1,0\text{m} \times 1,0\text{m}$) và khu dịch vụ - thương mại các bể tự hoại có tổng dung tích 90m^3 , các bể tách dầu mỡ tổng dung tích $\geq 1,2\text{m}^3$) đầu nối vào đường ống chờ trên hệ thống thu gom nước thải do Ban Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn xây dựng.

- *Trách nhiệm của UBND xã Mường Min:*

+ Thuê đơn vị có chức năng kiểm tra, nạo vét định kỳ hệ thống đường ống dẫn nước thải, kịp thời phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế, bổ sung định kỳ (6 tháng/lần) chế phẩm vi sinh vào các ngăn phân hủy vi sinh để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình xử lý nước thải.

+ Đưa ra quy định và yêu cầu các hộ gia đình vào đầu tư xây dựng cam kết không để rơi vãi hóa chất, dung môi hữu cơ, xăng dầu, xà phòng,... vào hệ thống thoát nước. Các chất này làm thay đổi tính chất nước thải, thay đổi môi trường sống của các vi sinh vật, do đó giảm hiệu quả xử lý của các công trình xử lý sau này sau khi thoát vào hệ thống thoát nước chung theo quy hoạch.

4.2.2. Về bụi, khí thải

- *Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn:*

Bố trí cây xanh trên vỉa hè khu vực dự án theo quy hoạch để cải thiện môi trường và tăng vẻ đẹp. Cây xanh được trồng là các loại cây ít rụng lá, dễ chăm sóc. Bố trí các cây to như cây cọ dầu, bằng lăng,...

- *Trách nhiệm của các hộ dân và nhà đầu tư thứ cấp:*

+ Khi xây dựng nhà cửa phải có biện pháp thu gom, quản lý vật liệu; hạn chế rơi vãi, phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh; khi vận chuyển nguyên nhiên vật liệu phục vụ thi công dự án, yêu cầu nhà cung cấp phủ bạt kín, chở đúng tốc độ và tải trọng xe theo quy định, phun nước dập bụi khu vực thi công vào những ngày nắng nóng...

+ Tiến hành phun tưới nước làm ẩm mặt đường, vỉa hè khu vực trước phần đất của mình trong những ngày hanh nóng nhằm hạn chế một phần bụi, đất cát có thể theo gió phát tán vào không khí.

+ Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà.

+ Để rác đúng quy định về thời gian và địa điểm giảm ảnh hưởng đến môi trường không khí do rác thải.

+ Đối với khu vực nhà bếp phải trang bị bộ phận hút, lọc mùi trước khi thải ra môi trường.

+ Bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt.

- *Trách nhiệm của UBND xã Mường Mìn:*

Thuê đơn vị có chức năng thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, thoát nước mưa và định kỳ phun hóa chất khử trùng khu vực cống rãnh thoát nước trong khu vực dự án. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển bùn từ hệ thống thoát nước đi xử lý theo quy định nhằm giảm ảnh hưởng do mùi, khí thải phát sinh từ cống rãnh đến môi trường xung quanh.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý CTR thông thường, CTNH

- *Trách nhiệm của các hộ dân và nhà đầu tư thứ cấp:*

+ Thực hiện phân loại, thu gom chất thải rắn phát sinh thành các loại: Chất thải thông thường (chất thải tái chế, chất thải thực phẩm, chất thải khó phân hủy, chất thải tro), chất thải nguy hại. Bố trí thiết bị chứa chất thải thực phẩm đảm bảo kín, không rò rỉ ra môi trường.

+ Thu gom chất thải nguy hại trong sinh hoạt bỏ vào các thiết bị chứa do UBND xã bố trí.

+ Chi trả phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

+ Giữ gìn vệ sinh nơi ở và nơi công cộng, thu gom, tập kết CTRSH, CTNH đúng nơi quy định; tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể phát động.

+ Dọn dẹp, giữ gìn vệ sinh môi trường trong khu đất thuộc quyền sử dụng của mình, vỉa hè trước và xung quanh khu vực.

+ Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong công tác điều tra, khảo sát xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý CTRSH, CTNH.

+ Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, CTNH; các vi phạm đối với Quy định này đến UBND cấp huyện.

- *Trách nhiệm của chính quyền địa phương:*

+ Cung cấp các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành liên quan đến CTR, CTNH cho các hộ gia đình; có chương trình, kế hoạch cụ thể trong việc nạo vét cống rãnh và thông báo rộng rãi cho người dân toàn khu dự án biết trước khi triển khai.

+ Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTNH của hộ gia đình tại dự án và các tổ chức tự quản trên địa bàn; định kỳ xây dựng và triển khai kế hoạch tổng vệ sinh môi trường.

+ Bố trí 3 thùng chứa màu trắng và 3 thùng chứa màu đen dung tích 200 lít/thùng lần lượt thu gom chất thải tro, CTNH trong sinh hoạt để người dân phân loại bỏ vào. Các thùng chứa được bố trí tại khu vực đường giao thông nội bộ của dự án với khoảng cách trung bình 500m, bố trí 1 thùng thu gom chất thải tro và thùng thu gom chất thải nguy hại).

+ Thuê tổ vệ sinh môi trường địa phương thu gom rác thải và đưa đi xử lý theo quy định, hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom rác tại các thùng rác ven đường, nơi công cộng,... với tần suất 1 lần/ngày tại dự án.

5. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.